



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 44

Ngày 01 tháng 9 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

08-8-2012	Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND về việc đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu.	03
08-8-2012	Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.	05
09-8-2012	Chỉ thị số 21/2012/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2012 - 2013 tại Thành phố Hồ Chí Minh.	19
16-8-2012	Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND về ban hành một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2012 - 2015.	24
16-8-2012	Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND về việc ban hành chuẩn hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2012 - 2015.	28
21-8-2012	Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.	30

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|---|----|
| 07-8-2012 | Quyết định số 4030/QĐ-UBND điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 46 |
| 16-8-2012 | Quyết định số 4190/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 58 |

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2012/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về việc đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng,
Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm về việc đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu, cụ thể như sau:

1. Đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng cho tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

Điểm đầu tuyến: Từ Ngã năm Nguyễn Thái Sơn (quận Gò Vấp) đến điểm cuối tuyến nút giao thông Linh Xuân (quận Thủ Đức). Chiều dài: 12.211m.

2. Đặt tên đường mang tên Đồng chí Mai Chí Thọ cho tuyến đường mới phần phía đông dự án Đại lộ Đông Tây thuộc địa bàn quận 2, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 20 tháng 11 năm 2011.

Điểm đầu tuyến: Từ Đường hầm sông Sài Gòn phía quận 2 đến điểm cuối tuyến Nút giao Cát Lái - Xa lộ Hà Nội. Chiều dài: 6.385m.

3. Đặt tên đường mang tên Đồng chí Trần Văn Giàu cho tuyến đường thuộc dự án Mở rộng Tỉnh lộ 10 và dự án Tỉnh lộ 10B thuộc địa bàn huyện Bình Chánh và quận Bình Tân.

Điểm đầu tuyến: Từ điểm giao với đường Tên Lửa đến điểm cuối tuyến đường Võ Văn Vân nối dài tiếp giáp ranh tỉnh Long An. Tổng chiều dài: 14.029m.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân quận 2, quận Bình Tân, quận Gò Vấp, quận Thủ Đức và huyện Bình Chánh theo chức năng của mình tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên đường nêu ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26 tháng 9 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-UB ngày 06 tháng 9 năm 1977 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thống nhất hai Tổng đội Thanh niên xung phong thành “Lực lượng Thanh niên xung phong” trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố tại Tờ trình số 09/TTr-TNXP ngày 28 tháng 6 năm 2012 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 504/TTr-SNV ngày 18 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 86/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong

Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố là một tổ chức kinh tế - xã hội mang tính đặc thù của thành phố; có chức năng tổ chức, quản lý các lực lượng thanh niên xung kích tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, giải quyết việc làm, giáo dục, rèn luyện, đào tạo thanh niên và những nhiệm vụ cấp bách theo yêu cầu của thành phố.

2. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước của các Sở - ngành thành phố có liên quan.

Điều 2.

1. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố được thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định.

2. Trụ sở của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố đặt tại số 636 đường Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ chung của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố

1. Xung kích thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân Thành phố giao trên địa bàn thành phố và những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; góp phần giải quyết các vấn đề về môi sinh - môi trường, chỉnh trang đô thị, xây dựng nhà ở và các khu tái định cư; tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình công cộng và dịch vụ công ích.

2. Tham gia thực hiện việc khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, trật tự an toàn giao thông, bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn thành phố và các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác.

3. Tham gia thực hiện cai nghiện ma túy, giáo dục lao động, giải quyết việc làm cho thanh niên sau cai nghiện ma túy và các đối tượng thanh, thiếu niên mắc tệ nạn xã hội khác.

4. Tham gia sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ nông dân sản xuất và đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho thanh niên; tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ nông nghiệp, tham gia chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn thành phố.

5. Tổ chức quản lý, khai thác, kinh doanh cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp - Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân, bao gồm:

a) Thực hiện quản lý, khai thác, kinh doanh cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp - Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân thông qua hình thức cho doanh nghiệp thuê lại đất, đầu tư xây dựng nhà xưởng để cho doanh nghiệp thuê lại và cung ứng các hoạt động dịch vụ phục vụ cho các doanh nghiệp và quản lý khai thác Khu chung cư trong Cụm công nghiệp - Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân;

b) Thực hiện quản lý và đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng, công trình công nghiệp phù hợp với quy hoạch Cụm công nghiệp - Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để khai thác kinh doanh có hiệu quả quỹ đất đai, nhà xưởng, tài sản và các công trình khác của Cụm công nghiệp - Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân;

c) Thực hiện quản lý và khai thác Cụm công nghiệp - Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân theo đúng các quy định của pháp luật về đất đai.

6. Tham gia thực hiện chương trình trồng và chế biến cao su tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

7. Thực hiện một số quyền của chủ sở hữu theo quyết định ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu; thực hiện quyền của chủ sở hữu vốn tại các Công ty Cổ phần có phần vốn góp của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố; thực hiện các chương trình, dự án, liên doanh - liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ cho xã hội; các hoạt động đầu tư kinh doanh các ngành nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, thủy sản và hoạt động dịch vụ có liên quan; hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng và các hoạt động dịch vụ có liên quan; hoạt động thương mại dịch vụ; hoạt động dịch vụ văn phòng cho thuê; hoạt động du lịch, vận tải, lưu trú và ăn uống; hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung; hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề;... nhằm khai thác có hiệu quả đất đai, vốn và tài sản được Ủy ban nhân dân Thành phố giao theo đúng quy định pháp luật hiện hành để giải quyết việc làm cho đội viên thanh niên xung phong, cho thanh niên và các đối tượng xã hội.

8. Tập hợp và tổ chức cho một bộ phận thanh niên thành phố tham gia xây dựng kinh tế - xã hội có hiệu quả, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ xã hội được giao.

9. Giáo dục, rèn luyện, đào tạo và bồi dưỡng văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức và chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ, đội viên thanh niên xung phong.

10. Xây dựng lực lượng hậu bị quốc phòng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do thành phố giao.

Điều 4. Các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể

1. Về tổ chức thực hiện pháp luật:

a) Chấp hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

b) Nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chủ trương, chính sách liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của thanh niên xung phong; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố trong việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các chính sách, chủ trương của thành phố nhằm đảm bảo tính thống nhất trong Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

c) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, đội viên thanh niên xung phong, người lao động và các đối tượng khác do Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố quản lý.

2. Về xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội:

a) Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và những nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố giao; Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hàng năm theo lĩnh vực công tác của đơn vị, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt để tổ chức thực hiện.

b) Nghiên cứu xây dựng các chương trình, dự án phát triển Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, trình cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia xét duyệt các luận chứng kinh tế - kỹ thuật, thiết kế và dự toán các công trình xây dựng, các chương trình, đề tài được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, ủy quyền cho Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố quản lý.

c) Căn cứ Kế hoạch của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và điều kiện thực tế của các đơn vị trực thuộc, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố xét duyệt, giao chỉ tiêu kế hoạch và công nhận hoàn thành kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc.

d) Theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, các chương trình, dự án đầu tư phát triển của các đơn vị trực thuộc; đề xuất kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

3. Về công tác tài chính:

a) Căn cứ nhiệm vụ được giao, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch đầu tư cho các chương trình mục tiêu hoạt động, kế hoạch tài chính do Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố quản lý, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Căn cứ kế hoạch tài chính được duyệt, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố có quyền phân bổ, kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo đúng nguyên tắc về tài chính và chịu trách nhiệm quyết toán với Sở Tài chính; trường hợp cần thiết, trong phạm vi tổng mức thu - chi tài chính được duyệt, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố có quyền điều chỉnh mức thu - chi tài chính chi tiết để thực hiện nhiệm vụ

được giao, nhưng không được thay đổi mục tiêu kế hoạch đã được duyệt; việc điều chỉnh cần trao đổi thống nhất với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố nộp đầy đủ các khoản thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật.

d) Tổ chức hạch toán, kế toán theo quy định hiện hành về chế độ kế toán tài chính; hướng dẫn xây dựng dự toán thu - chi tài chính hàng năm đối với các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc bảo toàn vốn, sử dụng vốn và tài sản được Nhà nước giao tại các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

đ) Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố giao tài sản để sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định để thực hiện nhiệm vụ được giao.

e) Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố giao vốn để tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp, công ty cổ phần, các đơn vị liên doanh liên kết để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

4. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại - tố cáo, xử lý vi phạm:

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố đối với cá nhân, đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành chính sách, chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì hoặc tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại - tố cáo có liên quan đến Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố; giải quyết các đơn thư, khiếu nại - tố cáo của công dân thuộc thẩm quyền của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố theo quy định của pháp luật.

5. Về công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, viên chức và người lao động:

a) Nghiên cứu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố phương án kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, trên cơ sở tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ và các ngành chức năng có liên quan, trình Ủy ban

nhân dân Thành phố quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể, chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các vấn đề về biên chế, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, kỷ luật và thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ, viên chức thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của thành phố và quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện việc áp dụng các chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, viên chức theo các quy định của Nhà nước; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ, viên chức trực thuộc theo phân cấp quản lý.

đ) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch ngắn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố; chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các chương trình, khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động trực thuộc theo phân cấp quản lý.

e) Quyết định khen thưởng, kỷ luật và giải quyết các chính sách, chế độ đối với cán bộ, viên chức và người lao động do Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố trực tiếp quản lý theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Về quản lý đội viên thanh niên xung phong:

a) Căn cứ các chương trình, dự án, kế hoạch kinh tế - xã hội được giao, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố lập kế hoạch tuyển thanh niên xung phong làm việc tại các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp Thanh niên xung phong; các đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phải ưu tiên tuyển dụng lao động là đội viên thanh niên xung phong.

b) Giáo dục, rèn luyện, đào tạo nghề nghiệp, bảo đảm đội viên thanh niên xung phong có phẩm chất, đạo đức tốt; trưởng thành về chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình phục vụ trong Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

c) Xây dựng và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quy chế, quy

định về tuyển, huấn luyện và quản lý đội viên thanh niên xung phong; các văn bản, hướng dẫn quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, đội viên thanh niên xung phong theo quy định của pháp luật hiện hành. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc thi hành các chính sách, chế độ về tiền lương, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, vệ sinh lao động, an toàn lao động và các chính sách, chế độ khác cho đội viên thanh niên xung phong theo quy định hiện hành của Nhà nước và của thành phố.

7. Về quản lý học viên cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện:

a) Căn cứ chỉ tiêu hàng năm được giao, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố lập kế hoạch tiếp nhận, tổ chức quản lý, chữa trị, giáo dục nhân cách, dạy học văn hóa, dạy nghề, tổ chức lao động sản xuất và giải quyết việc làm cho người nghiện ma túy theo đúng quy trình, quy chế hiện hành của Nhà nước và của thành phố.

b) Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện theo kế hoạch được giao và đúng quy định của Nhà nước.

c) Xây dựng các quy chế, quy định về quản lý học viên, kiểm tra việc thi hành các chính sách, chế độ đối với người cai nghiện và người sau cai nghiện ma túy theo đúng quy định của Nhà nước.

8. Về công tác y tế:

a) Xây dựng kế hoạch, kinh phí hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe hàng năm cho cán bộ, viên chức, người lao động, người cai nghiện ma túy trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị y tế để tổ chức điều trị cắt cơn nghiện ma túy, khám chữa bệnh, khám tuyển dụng lao động và quản lý sức khỏe của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người cai nghiện ma túy trong thời gian làm việc và rèn luyện tại Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

c) Tuyên truyền và thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, thực hiện vệ sinh lao động, an toàn lao động và phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS tại các đơn vị trực thuộc.

9. Về đối ngoại:

a) Tham gia đàm phán hoặc đàm phán ký kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước và của Ủy ban

nhân dân Thành phố về lĩnh vực được phân công phụ trách; chỉ đạo và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các chương trình, dự án liên doanh với nước ngoài.

b) Được quan hệ với các tổ chức của Chính phủ nước ngoài, cá nhân và tổ chức phi Chính phủ nước ngoài để thực hiện tài trợ cho các hoạt động xã hội của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố theo đúng quy định của Nhà nước, quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và chỉ đạo tiếp nhận, quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn tài trợ đó.

c) Đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cử cán bộ thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố ra nước ngoài công tác, học tập, tu nghiệp. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đề xuất cử cán bộ thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố quản lý vốn đầu tư và tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc các đơn vị liên doanh khi đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố làm đối tác hợp tác kinh doanh với các tổ chức trong và ngoài nước.

d) Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế khi được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép hoặc ủy quyền.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 5. Ban Chỉ huy Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố

1. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố do Ban Chỉ huy Lực lượng phụ trách gồm: Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phụ trách, quản lý và điều hành chung theo chế độ Thủ trưởng; có các Phó Chỉ huy trưởng giúp việc.

2. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố trước Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố có trách nhiệm:

a) Lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ được quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính của đơn vị.

c) Tổ chức thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo an toàn, bí mật quốc gia trong hoạt động của đơn vị. Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng chính sách.

d) Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

e) Quyết định thành lập, sáp nhập hoặc điều chỉnh nhiệm vụ các phòng, ban, đơn vị chuyên môn giúp việc và các đơn vị hạch toán phụ thuộc để hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, trên cơ sở đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

g) Tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức theo quy định của pháp luật; đảm bảo các chế độ, quyền lợi về tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn đối với người lao động của đơn vị theo quy định của pháp luật.

h) Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ sách kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định hiện hành.

i) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính theo quy định hiện hành.

k) Chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước đối với các hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể. Có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để các tổ chức Đảng, đoàn thể tham gia giám sát, quản lý mọi mặt hoạt động của đơn vị.

4. Phó Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố do Chủ

tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố. Các Phó Chỉ huy trưởng được Chỉ huy trưởng phân công phụ trách, quản lý, chỉ đạo một số công tác và một số đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố. Các Phó Chỉ huy trưởng chịu trách nhiệm trước Chỉ huy trưởng và Ủy ban nhân dân Thành phố về nhiệm vụ được phân công.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố

1. Các phòng, ban, đơn vị chuyên môn:

- a) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- b) Phòng Xã hội;
- c) Phòng Y tế;
- d) Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương;
- đ) Văn phòng;
- e) Ban Quản lý dự án;
- g) Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong.

2. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

- a) Trung tâm Giáo dục Đào tạo và Giải quyết việc làm Nhị Xuân;
- b) Trường Giáo dục Đào tạo và Giải quyết việc làm số 1;
- c) Trường Giáo dục Đào tạo và Giải quyết việc làm số 2;
- d) Trường Giáo dục Đào tạo và Giải quyết việc làm số 3;
- đ) Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Thanh niên xung phong.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong (được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số quyền của chủ sở hữu được quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp).

4. Doanh nghiệp khác (do Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố góp vốn thành lập theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố):

- a) Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp Thanh niên xung phong.

Chương IV

CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố có trách nhiệm báo cáo, trình bày và cung cấp tài liệu cho Hội đồng nhân dân Thành phố, trả lời các chất vấn hoặc kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

2. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Thành phố, chịu sự kiểm tra của Ủy ban nhân dân Thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phải thực hiện đúng chế độ báo cáo, xin chỉ thị, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố trong tổ chức các hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chủ trương và quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến cơ quan, đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

4. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền được giao; đối với những vấn đề vượt quá quyền hạn được giao, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phải báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các Bộ - ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố khác

Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố được quan hệ với các cơ quan thuộc các Bộ - ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố khác để báo cáo hoặc thu thập các thông tin cần thiết phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 9. Đối với Sở - ngành thành phố

Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phối hợp với các Sở - ngành để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung

phong Thành phố và theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố giao, được yêu cầu các Sở - ngành thành phố phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 10. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố và cùng các quận - huyện quản lý, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 11. Quan hệ với Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố có nhiệm vụ phối hợp với Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện các chương trình liên tịch cụ thể, thiết thực về công tác thanh niên và có sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chương trình liên tịch hàng năm.

Điều 12. Quan hệ với các địa phương nơi trú đóng

1. Các đơn vị thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố hoạt động ở địa phương nào, phải chịu sự quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương đó; thường xuyên có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nơi trú đóng.

2. Căn cứ vào chương trình ký kết, hợp tác giữa thành phố và các tỉnh, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thanh niên xung phong hoạt động tại các tỉnh tích cực thực hiện các nhiệm vụ hợp tác được phân công, góp phần xây dựng địa phương.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13.

Căn cứ nội dung Quy chế này, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, ban hành Quy chế làm việc cụ thể của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố; tổ chức các phòng - ban, sắp xếp bố trí cán bộ, viên chức, người lao động phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo chức năng và nhiệm vụ của ngành, địa phương mình, có trách nhiệm phối hợp với Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố để thực hiện Quy chế này.

Điều 14.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ nghiên cứu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2012/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2012

CHỈ THỊ

Về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2012 - 2013 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Chỉ thị số 2737/CT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp năm học 2012 - 2013;

Nhằm huy động sức mạnh tổng hợp và nguồn lực toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo thành phố, trên cơ sở phát huy những thành tích đã đạt được, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các Sở - ngành thành phố và chính quyền các địa phương phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp, các tổ chức xã hội tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm năm học 2012 - 2013 như sau:

1. Nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng trong hoạt động giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh trong các hoạt động học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên. Triển khai hiệu quả, sáng tạo phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện - Học sinh tích cực”, gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và cuộc vận động “Hai không” trong mỗi đơn vị nhà trường, mỗi cơ sở giáo dục và trong toàn ngành.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, truyền thống, lòng yêu tổ quốc; tăng cường giáo dục về tình yêu biển đảo quê hương. Đẩy mạnh chủ đề tư

tưởng “Sống có trách nhiệm”, sống trung thực, nhân ái, giáo dục học sinh lý tưởng sống, kỹ năng sống. Triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao trong nhà trường, ở từng quận, huyện và toàn ngành. Phấn đấu xây dựng một thể hệ học sinh thành phố có trí tuệ, có thể lực, có lối sống văn minh, nghĩa tình và có năng lực hội nhập quốc tế.

- Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên trong toàn ngành.

- Phối hợp với Hội Khuyến học, Hội Cựu Giáo chức và các cơ quan truyền thông trong hoạt động tuyên truyền, phát huy truyền thống ham học, lao động sáng tạo của người Việt Nam. Phổ biến, nhân rộng các tấm gương điển hình tiêu biểu, xuất sắc trong đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh, sinh viên.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo

- Xây dựng Kế hoạch năm học 2012 - 2013 thật cụ thể và chi tiết, bám sát chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2011 - 2015.

- Tập trung ưu tiên các nguồn lực để đảm bảo hoàn thành Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào cuối năm 2012.

- củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập bậc trung học; tăng cường xóa mù chữ cho người lớn.

- Triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày, nhất là ở cấp tiểu học.

- Điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng giảm tải, tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông.

- Chú trọng hiệu suất đào tạo và chất lượng đào tạo học sinh giỏi.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy - học và công tác quản lý giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác tự đánh giá, tổ chức đánh giá ngoài các trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông để nâng cao số lượng trường học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn

2011 - 2020 và Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010 - 2020. Tham gia chương trình quốc tế (PISA) đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông.

- Triển khai Đề án Xây dựng xã hội học tập và Đề án Xóa mù chữ giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm văn hóa ngoài giờ; tổ chức hoạt động hiệu quả các Trung tâm giáo dục cộng đồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng nhu cầu học tập cho người dân, nhất là nhu cầu học tập tin học, ngoại ngữ, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn thành phố.

- củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trung cấp chuyên nghiệp. Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo, gắn việc đào tạo với nhu cầu xã hội. Tích cực hướng nghiệp phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý giáo dục

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2010/NĐ-CP, trong đó tập trung triển khai thực hiện phân cấp quản lý giáo dục.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong từng trường học. Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và các Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc quản lý thu - chi tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo tinh gọn bộ máy, nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; thực hiện tiết kiệm trong chi thường xuyên.

- Nâng cao vai trò công tác tự kiểm tra, đánh giá và công tác thanh tra chuyên đề, thanh tra đơn tuyến nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những vấn đề chưa tốt trong quá trình quản lý của từng đơn vị; chú trọng thanh tra công tác dạy thêm, học thêm; công tác thu - chi tại các đơn vị; xử lý nghiêm cá nhân và đơn vị trường học vi phạm các quy định của ngành.

- Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả; tăng cường công tác tuyên truyền, phát hiện các nhân tố mới, nhân tố điển hình để kịp thời tuyên dương, khen thưởng; phát huy hơn nữa vai trò của cụm thi đua trong việc tổ chức các phong trào thi đua tại đơn vị.

4. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục

- Dự báo và quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, bổ sung kịp thời đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của ngành trong giai đoạn hội nhập phát triển sâu rộng.

- Triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý ngành giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2020”; tiếp tục củng cố mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục thành phố.

- Tổ chức tốt, hiệu quả công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo chuẩn quốc tế cho giáo viên dạy tiếng Anh các cấp học, bậc học; công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông, giáo viên thuộc các Trung tâm Giáo dục thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng kinh nghiệm làm công tác chủ nhiệm lớp; tập trung bồi dưỡng nội dung về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; chuẩn Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học và trung học.

- Kiên quyết xử lý nghiêm những giáo viên và đơn vị trường học vi phạm những quy định về đạo đức nhà giáo, vi phạm kỷ luật, làm mất uy tín nhà trường.

5. Công tác kế hoạch - tài chính và tăng cường cơ sở vật chất

- Đổi mới mạnh mẽ công tác kế hoạch - tài chính làm cơ sở để nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch hàng năm, phù hợp hơn với thông lệ quốc tế trong quá trình hội nhập.

- Hoàn thiện mạng lưới trường lớp đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 02/2003/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2003. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trường mầm non tại các khu chế xuất, khu công nghiệp. Tăng cường ngân sách đầu tư xây dựng, nâng cấp trang thiết bị trường học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tăng cường các giải pháp để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và bảo quản tốt các thiết bị dạy học đã được trang bị. Chủ động tổ chức rà soát, mua sắm bổ sung sách, thiết bị dạy học và vật tư tiêu hao hàng năm, kịp thời phục vụ năm học mới.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

- Triển khai thực hiện Đề án Xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2011 - 2015, tranh thủ các nguồn lực ngoài xã hội đóng góp tự nguyện, hợp pháp cho việc trang bị, xây dựng các trường học, nhất là vùng khó khăn ở các huyện.

- Vận động các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các đơn vị kinh tế, các mạnh thường quân hỗ trợ học sinh nghèo, con em diện chính sách xã hội, các đối tượng phổ cập giáo dục, đảm bảo 100% trẻ em được đi học, được chăm sóc, được hưởng các chế độ và mọi cơ hội trong giáo dục một cách công bằng, bình đẳng.

7. Tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế

- Đẩy mạnh giao lưu quốc tế nhằm thu hút đầu tư, mở rộng giao lưu hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau giữa các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục phát triển nổi bật.

- Củng cố và quản lý có hiệu quả các trường quốc tế và các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Xây dựng và khuyến khích các mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thành phố trong thời kỳ hội nhập.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở - ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Đề nghị các Cấp ủy Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể các cấp, các tổ chức xã hội quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm học 2012 - 2013./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2012 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm về một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015, cụ thể như sau:

1. Từ năm 2013 đến năm 2015, thực hiện huy động từ nguồn ngân sách thành phố, ngân sách quận, huyện (mỗi năm từ 50 tỷ đến 70 tỷ đồng) để bổ sung Quỹ Giảm nghèo thành phố, đáp ứng nhu cầu vay vốn làm ăn của hộ nghèo, cận nghèo thành phố đảm bảo theo nguyên tắc cân đối bổ sung trên từng địa bàn quận, huyện theo kế hoạch cụ thể hàng năm.

2. Về bổ sung một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo thành phố có mức thu nhập từ 12 triệu đồng/người/năm trở xuống:

a) Về chính sách Bảo hiểm y tế bắt buộc: thống nhất chi từ ngân sách thành phố

để hỗ trợ cho khoản đồng chi trả 15% chi phí khám chữa bệnh (bao gồm hỗ trợ 15% chi phí chạy thận) của bệnh nhân là người nghèo thành phố hàng năm (hộ nghèo thành phố được hưởng chế độ đồng chi trả bảo hiểm y tế tương đương hộ nghèo quốc gia). Nguồn kinh phí hỗ trợ sẽ bổ sung vào nguồn quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo thuộc Sở Y tế quản lý để chi thanh toán cho Bảo hiểm xã hội thành phố theo đúng chế độ quy định.

b) Về chính sách hỗ trợ giáo dục:

- Thực hiện miễn giảm học phí buổi thứ 2 cho học sinh diện hộ nghèo thành phố từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015. Chấp thuận chi thanh toán cấp bù cho ngành giáo dục thành phố và các quận - huyện đã chi hỗ trợ tiền học phí buổi thứ 2 năm học 2010 - 2011 cho học sinh nghèo thành phố với số tiền là 8,69 tỷ đồng.

- Hỗ trợ từ ngân sách thành phố 100% học phí cho sinh viên là con em hộ nghèo thành phố, có thu nhập bình quân từ 10 triệu đồng/người/năm trở xuống, đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học (bao gồm Trung học chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng, Đại học).

- Hỗ trợ từ ngân sách thành phố 50% học phí cho sinh viên là con em hộ nghèo thành phố, có thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng/người/năm, đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học (bao gồm Trung học chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng, Đại học).

c) Về chính sách hỗ trợ điều kiện ban đầu (học ngoại ngữ) cho lao động nghèo thành phố đi lao động có thời hạn ở nước ngoài:

- Ngân sách thành phố chi hỗ trợ 50% chi phí học ngoại ngữ cho lao động thuộc hộ nghèo có thu nhập từ 10 triệu đồng/người/năm trở xuống (còn lại Quỹ Vì người nghèo hỗ trợ 30% và người nghèo tự lo 20%).

- Ngân sách thành phố chi hỗ trợ 30% chi phí học ngoại ngữ cho lao động thuộc hộ nghèo có thu nhập trên 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng/người/năm (còn lại Quỹ Vì người nghèo hỗ trợ 30% và người nghèo tự lo 40% mức chi phí).

d) Về chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động nghèo của các quận nội thành và quận ven:

Vận dụng quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” để hỗ trợ cho lao động nghèo tại 17 quận nội thành, quận ven tham gia học nghề từ ngân sách thành phố với định mức hỗ trợ là 3,5 triệu đồng/người (như đã vận dụng tại 5 huyện ngoại thành và quận 9, quận 12).

3. Về chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo thành phố:

a) Hộ cận nghèo thành phố được vay vốn Quỹ Giảm nghèo cho các nhu cầu tổ chức sản xuất, kinh doanh để nâng thu nhập, ổn định cuộc sống, không để tái nghèo và vươn lên hộ khá.

b) Thành viên các hộ cận nghèo thành phố được hỗ trợ tiền mua thẻ Bảo hiểm y tế bắt buộc theo phương thức ngân sách thành phố hàng năm hỗ trợ 50% mệnh giá thẻ và thành viên hộ cận nghèo đóng 50% mệnh giá thẻ, nhưng không thực hiện hỗ trợ 15% đồng chi trả chi phí khám chữa bệnh như đối với hộ nghèo thành phố (hộ cận nghèo thành phố thực hiện chế độ đồng chi trả khám chữa bệnh bảo hiểm y tế như hộ cận nghèo quốc gia).

4. Tiếp tục thực hiện trợ cấp khó khăn cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, diện chính sách có công với cách mạng và cán bộ, công chức, viên chức trong năm 2012:

Chấp thuận chi từ ngân sách thành phố (kinh phí dự phòng) số tiền 230.993.200.000 đồng để tiếp tục thực hiện chủ trương trợ cấp khó khăn cho đối tượng người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, diện chính sách có công với cách mạng và cán bộ, công chức, viên chức năm 2012, cụ thể như sau:

a) Nguyên tắc trợ cấp năm 2012:

- Tiếp tục trợ cấp trong năm 2012 cho các đối tượng đã được ngân sách thành phố trợ cấp năm 2011 (trừ đối tượng công an viên cấp xã do đã được nâng mức phụ cấp trong năm 2012).

- Thực hiện hỗ trợ trong năm 2012 từ ngân sách thành phố cho các đối tượng đã được ngân sách Trung ương trợ cấp năm 2011.

- Mức trợ cấp bằng với mức năm 2011.

b) Bổ sung, điều chỉnh về đối tượng và mức hưởng trợ cấp khó khăn trong năm 2012 so với năm 2011:

- Về trợ cấp bù giá điện cho hộ nghèo: ngân sách thành phố thực hiện trợ cấp bù giá điện cho hộ nghèo có thu nhập bình quân từ 8 triệu đồng/người/năm trở xuống, bao gồm 31 hộ nghèo theo chuẩn Quốc gia quy định tại Quyết định số 2409/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2011.

- Về đối tượng bảo trợ xã hội: bổ sung thêm các đối tượng hưởng trợ cấp trong năm 2012 với mức 50.000 đồng/hộ/tháng (bằng với các đối tượng bảo trợ xã hội

khác), gồm: Hộ gia đình có từ 02 người trở lên là người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần; Hộ gia đình có từ 02 người trở lên là người mắc bệnh tâm thần; Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên, trường hợp con đang đi học văn hóa, học nghề được áp dụng đến dưới 18 tuổi; Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.

- Về đối tượng thương binh đặc biệt nặng, thương binh nặng 1/4, thương binh B đặc biệt nặng, thương binh B nặng 1/4, bệnh binh đặc biệt nặng, bệnh binh 1/3: mức trợ cấp năm 2012 là 200.000 đồng/người/tháng (bằng với diện thân nhân liệt sĩ hưởng định suất nuôi dưỡng và người có công giúp đỡ cách mạng hưởng định suất nuôi dưỡng).

c) Thời gian hưởng trợ cấp là 12 tháng (từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2012).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố) chủ trì phối hợp cùng Sở Tài chính, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các Sở, ngành chức năng có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chuẩn hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2012 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 1752/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức tổng điều tra hộ nghèo trên toàn quốc phục vụ cho việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm về một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015,

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố tại Tờ trình số 08/TTr-GN,THK ngày 27 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chuẩn hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2012 - 2015 như sau:

1. Hộ cận nghèo thành phố là những hộ dân (thường trú và tạm trú KT3 trên địa bàn thành phố) có mức thu nhập bình quân từ 12.000.001 đồng/người/năm đến 16 triệu đồng/người/năm), không phân biệt nội thành và ngoại thành.

2. Chuẩn hộ cận nghèo này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố) phối hợp với các Sở - ngành chức năng có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn tổ chức thực hiện; đồng thời tổ chức rà soát, lập danh sách hộ cận nghèo tại địa phương, để theo dõi cập nhật và quản lý theo chương trình phần mềm thống nhất của thành phố (có mã số hộ); tổ chức đưa hộ cận nghèo vào sinh hoạt tổ tự quản giảm nghèo tại địa phương để theo dõi thực hiện các chính sách hỗ trợ có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về công tác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2315/TTr-TNMT-VP ngày 25 tháng 4 năm 2012 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 527/TTr-SNV ngày 30 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 231/2005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chức năng

Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Sở Tài nguyên và Môi trường) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bao gồm: Tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về biển và đảo; thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là lĩnh vực tài nguyên môi trường).

Sở Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước theo quy định hiện hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường có tên giao dịch bằng tiếng Anh là DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT HO CHI MINH CITY (viết tắt là DONRE HCM City).

Trụ sở của Sở Tài nguyên và Môi trường đặt tại số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Vị trí

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Tham mưu ban hành văn bản

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo (sau đây gọi chung là tài nguyên và môi trường) trên địa bàn thành phố;

b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực tài nguyên và môi trường và các giải pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố;

c) Dự thảo Quy định tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Sở và Trưởng Phòng, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể, tổ chức lại các chi cục và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo các văn bản quy định cụ thể về quan hệ công tác giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các Sở có liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Điều 4. Về tài nguyên đất

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để trình Ủy ban nhân dân Thành phố; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

2. Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của quận - huyện đã được phê duyệt;

3. Tổ chức thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

4. Thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; ký hợp đồng thuê đất, thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; việc đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;

6. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc điều tra, khảo sát, đánh giá, phân hạng đất; lập và chỉnh lý biên động bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai;

7. Chủ trì, phối hợp với sở - ngành liên quan, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền các chương trình, đề án, dự án, các văn bản quy phạm pháp luật về bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; giải quyết các vướng mắc về xây dựng, điều chỉnh, thực hiện bảng giá đất tại địa phương; điều tra, khảo sát, thống kê giá các loại đất và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất; cập nhật thông tin giá đất trong hệ thống thông tin đất đai và cung cấp thông tin, dữ liệu về giá đất trong bảng giá đất của thành phố;

8. Hướng dẫn kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan hướng dẫn xử lý vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận - huyện; hướng dẫn việc xác định người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ; hướng dẫn việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người tái định cư; quy định và hướng dẫn về quản lý đất đai trong khu tái định cư;

9. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý và sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Về tài nguyên nước

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

2. Tổ chức thẩm định các đề án, dự án về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chuyển nước giữa các lưu vực sông thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố;

3. Tổ chức thực hiện việc xác định ngưỡng giới hạn khai thác nước đối với các sông, các tầng chứa nước, các khu vực dự trữ nước, các khu vực hạn chế khai thác nước; kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước trên địa bàn thành phố;

4. Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo thẩm quyền; thực hiện việc cấp phép và thu phí, lệ phí về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra các hoạt động về tài nguyên nước quy định trong giấy phép;

5. Tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản, kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; tổ chức quản lý, khai thác các công trình quan trắc tài nguyên nước do địa phương đầu tư xây dựng;

6. Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật;

8. Tham gia tổ chức phối hợp liên ngành của Trung ương, thường trực tổ chức phối hợp liên ngành của địa phương về quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông.

Điều 6. Về tài nguyên khoáng sản

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, xác định các khu vực đấu thầu thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản;

2. Tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản; tham gia xây dựng quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố;

3. Tổ chức thẩm định hồ sơ về việc cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản trong trường hợp được thừa kế, phê duyệt trữ lượng khoáng sản và các đề án đóng cửa mỏ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

4. Tổ chức thẩm định báo cáo thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố;

5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản theo quy định của pháp luật;

6. Quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về thăm dò khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Về môi trường

1. Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường; điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường; lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn thành phố và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật; kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường của các cơ sở đó;

2. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch huy động các nguồn lực nhằm ứng phó, khắc phục ô nhiễm môi trường do các sự cố môi trường gây ra theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

3. Tổ chức thẩm định và phê duyệt theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, các dự án thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố; hướng dẫn, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

4. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và triển khai chiến lược, quy hoạch quản lý chất thải, địa táng, hỏa táng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức công tác kiểm soát ô nhiễm và quản lý việc xử lý chất thải;

5. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và kiểm tra việc thực

hiện các quy định quản lý về vệ sinh môi trường, dịch vụ vệ sinh đô thị (thu gom, lưu chứa, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, chất thải rắn xây dựng, bùn thải, địa táng, hỏa táng), định mức, đơn giá, tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh đô thị;

6. Xây dựng và phê duyệt quy trình kỹ thuật, cự ly, khối lượng công việc của công tác quét dọn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt để làm cơ sở ký hợp đồng giao khoán chuyên môn, lập kế hoạch và tổ chức đấu thầu. Xây dựng và khai thác các công trình phục vụ vệ sinh đô thị.

7. Thực hiện việc cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu để làm nguyên liệu sản xuất theo thẩm quyền;

8. Chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện chương trình, đề án bảo vệ, khắc phục, cải tạo cảnh quan môi trường liên ngành, bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

9. Hướng dẫn xây dựng và tổ chức, quản lý hệ thống quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật; thống kê, lưu trữ số liệu về môi trường tại địa phương;

10. Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng của Sở;

11. Tổ chức việc thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

12. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính quản lý Quỹ tái chế chất thải thành phố và các loại quỹ bảo vệ môi trường khác (nếu có) theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 8. Về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

1. Tổ chức thẩm định hồ sơ về việc cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố và kiểm tra việc thực hiện;

2. Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng; tham gia xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn thành phố;

3. Chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của Trung ương đóng trên địa bàn thành phố;

4. Tổng hợp và báo cáo tình hình, tác động của biến đổi khí hậu đối với các yếu tố tự nhiên, con người và kinh tế - xã hội ở thành phố; chủ trì hoặc phối hợp với các ngành có liên quan đề xuất và kiến nghị các biện pháp ứng phó thích hợp;

5. Thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ đạo Biến đổi khí hậu do Ủy ban nhân dân Thành phố phân công và hoạt động theo quy chế của Ban Chỉ đạo do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định.

Điều 9. Về đo đạc và bản đồ

1. Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các chủ trương, kế hoạch, phương án tổng thể về đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của thành phố. Thẩm định và xét duyệt các phương án thi công đo đạc và bản đồ sử dụng vốn ngân sách nhà nước của các tổ chức và các ngành có liên quan;

2. Tổ chức triển khai xây dựng và chỉnh lý các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo kế hoạch, phương án tổng thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thống nhất quản lý lưu trữ, thu thập, cung cấp, khai thác sử dụng và cập nhật toàn bộ hệ thống dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

3. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý về chất lượng, bảo vệ và bảo mật các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

4. Tổ chức kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật;

5. Phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân Thành phố lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, mốc địa giới hành chính; phối hợp tổ chức triển khai việc hiệu chỉnh, điều chỉnh và cập nhật các biến động tư liệu, số liệu về địa giới hành chính;

6. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn thành phố và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh hoặc có lỗi nghiêm trọng về kỹ thuật;

7. Thẩm định hồ sơ của các tổ chức và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

8. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý thống nhất về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố; tổ chức thanh tra, kiểm tra, báo cáo định kỳ và đột xuất.

Điều 10. Tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về biển và đảo

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố các cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích và bảo đảm quyền cư trú, sản xuất, kinh doanh trên các đảo ven bờ phù hợp với các mục tiêu về bảo vệ chủ quyền quốc gia, phát triển bền vững kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường biển;

2. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch chuyên ngành khai thác, sử dụng tài nguyên các vùng biển, ven biển và đảo trên địa bàn quản lý của thành phố;

3. Chủ trì hoặc tham gia thẩm định, đánh giá các quy hoạch mạng lưới dịch vụ và các dự án đầu tư công trình, trang thiết bị phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch quản lý tổng hợp vùng duyên hải của thành phố sau khi được phê duyệt;

5. Chủ trì giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề về quản lý, khai thác tài nguyên biển và hải đảo liên ngành, liên tỉnh liên quan đến địa bàn;

6. Chủ trì, tham gia với các cơ quan có liên quan trong việc điều tra, thống kê, đánh giá tiềm năng và thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo và đề xuất nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; thu thập, xây dựng dữ liệu về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo ở địa bàn;

7. Tổ chức thực hiện các trình tự, thủ tục đăng ký, cấp phép đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Tổ chức thực hiện quan trắc biến động và dự báo xu thế biến động; xác định các vùng bờ biển dễ bị tổn thương và biến đổi lớn (bãi bồi, vùng biển xói lở, vùng bờ cát, rừng phòng hộ và đất ngập nước ven biển) trên địa bàn thành phố; đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

9. Điều tra và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái môi trường biển và hải đảo từ các nguồn phát sinh do hoạt động khai thác, sử dụng biển, hải đảo và các sự cố hoặc thiên

tai trên biển; thực hiện ứng phó, khắc phục sự cố môi trường bờ biển; phối hợp với các đơn vị có liên quan lập báo cáo hiện trạng môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của thành phố;

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, đảo; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, về quản lý, bảo vệ và khai thác có hiệu quả các lợi ích, tiềm năng kinh tế biển, ven biển và hải đảo liên quan đến địa bàn thành phố.

Điều 11. Các nhiệm vụ khác

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường được cơ quan có thẩm quyền ban hành; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố.

2. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trả lời vướng mắc về chính sách pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên môi trường thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Sở theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí;

3. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thống kê, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường tại địa phương theo quy định của pháp luật;

4. Chủ trì hoặc tham gia thẩm định, đánh giá và tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu, đề án, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố;

5. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động các hội, tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

6. Tổ chức, quản lý và hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện và Trung tâm Phát triển quỹ đất; tổ chức, quản lý các hoạt động dịch vụ công về tài nguyên môi trường;

7. Thực hiện hợp tác quốc tế và hợp tác với các địa phương trong lĩnh vực tài

nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

8. Tổng hợp dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương; phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố;

9. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Sở; quản lý biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

10. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị trực thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập khác trên địa bàn thành phố có hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

11. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

12. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

13. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 12. Lãnh đạo Sở

1. Sở Tài nguyên và Môi trường do Giám đốc phụ trách chung và có các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

2. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và theo các quy định của nhà nước về quản lý cán bộ, công chức.

3. Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức,

nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Các chức danh khác của Sở thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Thành phố.

Điều 13. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Sở Tài nguyên và Môi trường bao gồm: Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ tính chất, đặc điểm, yêu cầu quản lý cụ thể, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập, bãi bỏ, sáp nhập hoặc điều chỉnh các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trên cơ sở thỏa thuận với Giám đốc Sở Nội vụ nhưng không vượt quá số lượng theo quy định.

2. Đơn vị trực thuộc Sở:

- a) Chi Cục Bảo vệ môi trường;
- b) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố;
- c) Văn phòng Biến đổi khí hậu;
- d) Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- đ) Trung tâm Đo đạc bản đồ;
- e) Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn Tài nguyên Môi trường;
- g) Ban Quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải Thành phố;
- h) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- i) Quỹ Tái chế chất thải thành phố.

Việc thành lập các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

3. Biên chế hành chính và sự nghiệp của Sở Tài nguyên và Môi trường được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp của thành phố.

Điều 14. Chế độ làm việc

1. Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc theo chế độ thủ trưởng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và pháp luật về

thực hiện toàn bộ công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước theo lĩnh vực được giao và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

2. Giúp việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là các Phó Giám đốc Sở phụ trách từng lĩnh vực công tác theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về toàn bộ kết quả công việc và nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền;

3. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, 01 Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền điều hành toàn bộ hoạt động của Sở;

4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường được quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các phòng, ban, kế toán trưởng và lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của thành phố.

Chương IV **QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 15. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố, có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân Thành phố, trả lời các chất vấn, các kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở;

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình và kế hoạch hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các vấn đề có liên quan do Sở phụ trách;

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền được giao, đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 16. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo sự thống nhất về hoạt động

của ngành trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương; báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác cho Bộ; dự các cuộc họp do Bộ và các cơ quan thuộc Bộ triệu tập;

Đối với các chủ trương lớn của Bộ, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo Bộ để có hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ. Trường hợp Bộ chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc những chủ trương, quyết định của Bộ mà Sở xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc với Bộ trưởng hoặc kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 17. Đối với các Sở, ban, ngành thành phố

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành thành phố để thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Được quyền yêu cầu các Sở, ngành, các cơ quan đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động ngành nhằm giúp Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các quận, huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn. Được quyền yêu cầu quận, huyện thực hiện các báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn để thực hiện chức năng quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện và cán bộ tài nguyên môi trường cấp xã.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở làm việc và giải quyết những kiến nghị của quận - huyện liên quan công việc thuộc ngành quản lý; nếu còn có những ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động của Sở; ban hành Quy chế làm việc của Sở; tổ chức, sắp xếp các phòng, ban, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành, đảm bảo phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường trên địa bàn thành phố.

Điều 20. Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 21. Khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4030/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 670/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung các phụ lục danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 5010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

- Phụ lục 1: Danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí: Hủy bỏ 42 tuyến, điều chỉnh 06 tuyến và bổ sung mới 01 tuyến.

- Phụ lục 2: Danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa: Hủy bỏ 99 tuyến và điều chỉnh 01 tuyến.

- Phụ lục 3: Danh mục các tuyến đường cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí: Hủy bỏ 36 tuyến, điều chỉnh 12 tuyến và bổ sung mới 15 tuyến.

Đính kèm chi tiết các Phụ lục điều chỉnh, bổ sung.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Ban An toàn giao thông Thành phố, Thường trực Công an Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện nghiêm nội dung đã được điều chỉnh nêu tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHO PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI
MỘT PHẦN VỈA HÈ LÀM BÃI GIỮ XE CÔNG CỘNG CÓ THU PHÍ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4030/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Số thứ tự	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vỉa hè (m)	Ghi chú
QUẬN 1					
1	Bùi Thị Xuân	Cách Mạng Tháng Tám	Tôn Thất Tùng	6	
2	Calmette	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	4,9	
3	Cao Bá Quát	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	5,7	
4	Chu Mạnh Trinh	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du	5,6 - 7	
5	Cô Bắc	Nguyễn Thái Học	Đề Thám	5,3	
6	Cống Quỳnh	Bùi Thị Xuân	Bùi Viện	3,9 - 6	
7	Công xã Paris	Nguyễn Du	Lê Duẩn	14,5	
8	Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Đình Chiểu	Điện Biên Phủ	5,8	
9	Đông Du	Hai Bà Trưng	Đồng Khởi	4	
10	Hàm Nghi	Công trường Quách Thị Trang	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	5,7	
11	Hải Triều	Nguyễn Huệ	Hàm Nghi	5,7	
12	Hồ Huân Nghiệp	Công trường Mê Linh	Đồng Khởi	5,5	
13	Hồ Tùng Mậu	Bến Chương Dương	Tôn Thất Thiệp	3,9 - 6,5	
14	Huyền Trân Công Chúa	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Du	6,5	
15	Huyền Thúc Kháng	Lê Lợi	Pasteur	6,2 - 6,4	
16	Lê Thị Hồng Gấm	Phó Đức Chính	Calmette	5	
17	Lê Văn Hưu	Lê Duẩn	Nguyễn Du	4 - 6	
18	Mạc Đĩnh Chi	Điện Biên Phủ	Trần Cao Vân	5,9 - 6,1	
19	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng	Đồng Khởi	4	

20	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Lê Lợi	Hàm Nghi	6	
21	Ngô Đức Kế	Công trường Mê Linh	Nguyễn Huệ	4	
22	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Hữu Cảnh	Lê Duẩn	6,2	
23	Nguyễn Cư Trinh	Trần Hưng Đạo	Cổng Quỳnh	6	
24	Nguyễn Công Trứ	Hồ Tùng Mậu	Yersin	3,5 - 6	
25	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	Pasteur	5,4 - 6	
26	Nguyễn Hữu Cầu	Hai Bà Trưng	Thạch Thị Thanh	8	
27	Nguyễn Huy Tụ	Nguyễn Văn Giai	Đình Tiên Hoàng	6	
28	Nguyễn Khắc Nhu	Trần Hưng Đạo	Cô Giang	4,7 - 5,9	
29	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	Hai Bà Trưng	5,8 - 6	
30	Nguyễn Siêu	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	5 - 9	
31	Nguyễn Thái Bình	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phó Đức Chính	4,8 - 5	
32	Nguyễn Thị Minh Khai	Cổng Quỳnh	Lương Hữu Khánh	6	
33	Nguyễn Trãi	Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Văn Cừ	4,7 - 5,4	
34	Nguyễn Trung Ngạn	Tôn Đức Thắng	Chu Mạnh Trinh	4,8	
35	Nguyễn Trung Trực	Lê Thánh Tôn	Lê Lợi	5,5 - 6	
36	Nguyễn Văn Bình	Công xã Paris	Hai Bà Trưng	5,8	
37	Nguyễn Văn Chiêm	Hai Bà Trưng	Phạm Ngọc Thạch	4 - 6,1	
38	Nguyễn Văn Thủ	Mạc Đĩnh Chi	Phùng Khắc Khoan	6	
39	Phan Bội Châu	Lê Thánh Tôn	Lê Lợi	7,7	
40	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tôn	Lê Lai	7,2	
41	Phan Văn Trường	Nguyễn Thái Học	Yersin	4 - 4,6	
42	Phó Đức Chính	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Công Trứ	5	
43	Sương Nguyệt Anh	Cách Mạng Tháng Tám	Tôn Thất Tùng	5,8	

44	Thái Văn Lung	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Siêu	3,5	
45	Thi Sách	Lê Thánh Tôn	Công trường Mê Linh	5,6 - 6	
46	Thủ Khoa Huân	Nguyễn Du	Lý Tự Trọng	5,5	
47	Tôn Thất Đạm	Huỳnh Thúc Kháng	Tôn Thất Thiệp	5,5	
48	Tôn Thất Thiệp	Nguyễn Huệ	Hồ Tùng Mậu	5,7	
49	Tôn Thất Tùng	Lê Lai	Bùi Thị Xuân	7	
50	Trần Cao Vân	Mạc Đĩnh Chi	Hai Bà Trưng	5,7	
51	Trần Đình Xu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Cư Trinh	6,1	
52	Trần Quang Khải	Đình Tiên Hoàng	Trần Khắc Chân	5,6	
53	Trịnh Văn Cấn	Yersin	Nguyễn Thái Học	4,5	
54	Trương Định	Lê Thánh Tôn	Lý Tự Trọng	5	
55	Yersin	Phan Văn Trường	Trịnh Văn Cấn	4	

QUẬN 3

1	Cách Mạng Tháng Tám	Tú Xương	Công trường Dân Chủ	11	
2	Huỳnh Tịnh Của	Trần Quốc Toản	Nguyễn Văn Mai	6	
3	Lê Quý Đôn	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Văn Tần	6	
		Tú Xương	Võ Thị Sáu		
4	Nguyễn Thượng Hiền	Công trường Dân Chủ	Điện Biên Phủ	6,8	
5	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Thượng Hiền	Cao Thắng	12,3	
6	Nguyễn Thị Minh Khai	Cao Thắng	Cách Mạng Tháng Tám	6	
		Cách Mạng Tháng Tám	Bà Huyện Thanh Quan	6	
7	Tú Xương	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Thông	6,8	
		Nguyễn Thông	Cách Mạng Tháng Tám	6	
8	Võ Văn Tần	Công trường Quốc tế	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6 - 7	

QUẬN 4					
1	Lê Thạch	Lê Văn Linh	Đình Lễ	3,5 - 6	
2	Đình Lễ	Lê Thạch	Lê Quốc Hưng	4	
QUẬN 5					
1	An Bình	Hàm Tử	Trần Hưng Đạo	3 - 4	
2	An Dương Vương	Nguyễn Văn Cừ	Phước Hưng	4 - 10	
3	Bà Triệu	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	3,5 - 5	
4	Bãi Sậy	Kim Biên	Ngô Nhân Tịnh	5 - 6	
5	Bạch Vân	Nhiều Tâm	An Bình	3,8 - 6	
6	Bùi Hữu Nghĩa	Bạch Vân	Nguyễn Trãi	3 - 6	
7	Châu Văn Liêm	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	3	
8	Chiêu Anh Các	Nhiều Tâm	Bùi Hữu Nghĩa	3,4 - 6	
9	Đặng Thái Thân	Mạc Thiên Tích	Hồng Bàng	3,4 - 4	
10	Hà Tôn Quyền	Tân Thành	Nguyễn Chí Thanh	3,4	
11	Hải Thượng Lãn Ông	Hàm Tử	Ngô Nhân Tịnh	3,8 - 5	
12	Hồng Bàng	Ngô Quyền	Nguyễn Thị Nhỏ	3,3 - 9,5	
13	Hùng Vương	Nguyễn Văn Cừ	Ngô Quyền	3 - 10,6	
14	Huỳnh Mẫn Đạt	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	3 - 5,2	
15	Lê Hồng Phong	Phan Văn Trị	Hùng Vương	5 - 10	
16	Lý Thường Kiệt	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3,2 - 10	
17	Mạc Thiên Tích	Phước Hưng	Ngô Quyền	3,2 - 10	
18	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tri Phương	Ngô Quyền	3,7 - 8,5	
19	Ngô Quyền	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3 - 4,4	
20	Nghĩa Thục	Nhiều Tâm	Trần Tuấn Khải	4	
21	Nguyễn Án	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	5,6 - 6,5	
22	Nguyễn Biểu	Cao Đạt	Trần Hưng Đạo	3,9 - 5	
23	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Thị Nhỏ	3,8 - 6,2	
24	Nguyễn Duy Dương	Trần Phú	Nguyễn Chí Thanh	5,4 - 5,7	
25	Nguyễn Kim	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3 - 10	

26	Nguyễn Trãi	Nguyễn Văn Cừ	Triệu Quang Phục	3,8 - 5,3	
27	Nguyễn Tri Phương	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Chí Thanh	3,6 - 9	
28	Nguyễn Văn Đùng	Hàm Tử	Trần Hưng Đạo	4	
29	Nguyễn Văn Cừ	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Minh Khai	3 - 5	
30	Nhiều Tâm	Bạch Vân	Trần Hưng Đạo	3,6 - 6	
31	Phạm Hữu Chí	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	5	
		Lương Nhữ Học	Đỗ Ngọc Thạch	3,5 - 4,1	
32	Sư Vạn Hạnh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	4 - 4,8	
33	Tân Hưng	Thuận Kiều	Nguyễn Thị Nhỏ	3 - 7	
34	Tân Thành	Phó Cơ Điều	Đỗ Ngọc Thạch	4 - 5,5	
35	Tản Đà	Hàm Tử	Hồng Bàng	4,5 - 7,1	
36	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	7 - 8	
37	Thuận Kiều	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	4,6 - 5	
38	Trang Tử	Đỗ Ngọc Thạch	Dương Tử Giang	11	
39	Trần Bình Trọng	Hàm Tử	An Dương Vương	4 - 5	
40	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tri Phương	3,8 - 7,2	
41	Trần Nhân Tôn	Trần Phú	Hùng Vương	3 - 7	
42	Trần Phú	Trần Bình Trọng	Nguyễn Văn Cừ	3 - 10	
		Sư Vạn Hạnh	Trần Hưng Đạo	3 - 8	
43	Trần Tuấn Khải	Nghĩa Thục	Trần Hưng Đạo	5	
44	Trần Xuân Hòa	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	4,5	
45	Vạn Trọng	Vũ Chí Hiếu	Hải Thượng Lãn Ông	4	

QUẬN 6

1	Minh Phụng	Hậu Giang	Lê Quang Sung	4,8 - 7,5	
2	Tháp Mười	Phạm Đình Hồ	Chu Văn An	5	

QUẬN 11

1	Lý Thường Kiệt	Trước Điện lực Phú Thọ và nhà hàng Phong Lan		4,5	
2	Lữ Gia	Trước Coopmark Phú Thọ		4,5	

QUẬN 12					
1	Tỉnh lộ 15	Cầu Chợ Cầu	Cầu vượt Quang Trung	8	
2	Trường Chinh	Nút giao thông An Sương	Cầu Tham Lương	6	
3	Nguyễn Ảnh Thủ	Ngã tư Trung Chánh	Tô Ký	4	
HUYỆN HÓC MÔN					
1	Nguyễn Ảnh Thủ	Tô Ký	Phan Văn Hớn	4,75	
HUYỆN CẦN GIỜ					
1	Rừng Sác	Bến phà Bình Khánh	Thánh Thất Bình Khánh	3,7 - 5,8	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 2**DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHO PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI MỘT PHẦN VỈA HÈ PHỤC VỤ KINH DOANH DỊCH VỤ, BUÔN BÁN HÀNG HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4030/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Số thứ tự	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vỉa hè (m)	Ghi chú
QUẬN 5					
1	Phạm Đôn	Tân Hàng	Hải Thượng Lãn Ông	6	Phố ăn Chợ Lớn
2	Hải Thượng Lãn Ông	Trần Hòa	Châu Văn Liêm	5 - 6	Phố thuốc Đông Y
3	Phù Đổng Thiên Vương	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	3	Chợ Xã Tây
4	Đỗ Ngọc Thạch	Tân Thành	Tân Hưng	4	Chợ Tân Thành
5	Dương Tử Giang	Tân Thành	Tân Hưng	4	Chợ Tân Thành
6	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	4	Chợ Tân Thành
7	Phùng Hưng	Hồng Bàng	Nguyễn Trãi	2	Chợ Phùng Hưng
8	Lão Tử	Châu Văn Liêm	Phùng Hưng	2	Chợ Phùng Hưng
9	Hà Tôn Quyền	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	4	Chợ Hà Tôn Quyền
10	Tân Thành	Đỗ Ngọc Thạch	Hà Tôn Quyền	4	Chợ Hà Tôn Quyền
11	Phạm Hữu Chí	Đỗ Ngọc Thạch	Hà Tôn Quyền	4	Chợ Hà Tôn Quyền
QUẬN 6					
1	Trần Bình	Tháp Mười	Phan Văn Khỏe	4,6	Đề hàng hóa
2	Lê Tấn Kế	Tháp Mười	Phan Văn Khỏe	4,6	Đề hàng hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 3
DANH MỤC TUYỂN ĐƯỜNG
CHO PHÉP ĐẠU XE DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG CÓ THU PHÍ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4030/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số thứ tự	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
QUẬN 1					
1	Cao Bá Quát	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	8	Đậu xe bên phải
2	Đông Du	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	12	Đậu xe bên phải
3	Lê Lợi	Công trường Quách Thị Trang	Nguyễn Huệ	36	
4	Nguyễn Huệ	Lê Lợi	Tôn Đức Thắng	36	
5	Lê Lai	Nguyễn Thị Nghĩa	Công trường Quách Thị Trang	11	Đậu xe 1 bên (Khoảng lùi đối diện khách sạn New World)
6	Nguyễn Văn Cừ	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	19,5	Đậu xe bên phải
7	Hàm Nghi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tôn Đức Thắng	39	
8	Trương Định	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du	9,1	Đậu xe bên phải (Góc trái Trương Định - Nguyễn Du)
9	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tôn	Lê Lai	19	Đậu xe bên phải
10	Phan Bội Châu	Lê Lợi	Lê Thánh Tôn	19	Đậu xe bên phải
11	Thủ Khoa Huân	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Du	12	Đậu xe 1 bên
12	Hai Bà Trưng	Điện Biên Phủ không đậu dưới lòng đường	Võ Thị Sáu không đậu dưới lòng đường	13	Đậu xe khu vực trước công viên Lê Văn Tám
13	Nguyễn Cư Trinh	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	18	Đậu xe theo giờ

QUẬN 2					
1	Nguyễn Văn Hưởng	Thảo Điền	Nguyễn Cừ	12	Đậu xe 1 bên
QUẬN 3					
1	Bà Huyện Thanh Quan	Kỳ Đồng	Rạch Bùng Binh	12	Đậu xe bên phải
2	Trương Định	Lý Chính Thắng	Hoàng Sa	12	Đậu xe bên phải
3	Trần Quốc Thảo	Điện Biên Phủ	Ngô Thời Nhiệm	12	Đậu xe bên phải (trừ vị trí trước nhà số 39)
		Nguyễn Đình Chiểu	Võ Văn Tần		
4	Hồ Xuân Hương	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Thông	9,5	Đậu theo giờ
5	Võ Văn Tần	Cao Thắng	Nguyễn Thượng Hiền	12	Đã đậu xe theo ngày chẵn, lẻ
6	Lê Ngô Cát	Ngô Thời Nhiệm	Điện Biên Phủ	6	Đậu theo giờ
7	Pasteur	Võ Thị Sáu	Trần Quốc Toản	7,5	Đậu theo giờ
QUẬN 5					
1	An Dương Vương	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Thị Nhỏ	19	
2	Nguyễn Thị Nhỏ	Trang Tử	Nguyễn Chí Thanh	14 - 15	Đậu xe theo ngày chẵn, lẻ
3	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Trãi	Trần Hưng Đạo	19,5	Đậu xe bên phải
4	Phan Văn Trị	Lê Hồng Phong	Bùi Hữu Nghĩa	8	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ, theo giờ
5	Tản Đà	Hồng Bàng	Nguyễn Trãi	12	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ, theo giờ
6	Lê Hồng Phong	Trần Phú	Nguyễn Trãi	18	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
7	Trần Bình Trọng	Trần Phú	Trần Hưng Đạo	8,0	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
8	Phạm Hữu Chí	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	20	Đậu xe một bên phía Hùng Vương Plaza

QUẬN 6					
1	Nguyễn Hữu Thận	Tháp Mười	Lê Quang Sung	10	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
QUẬN 10					
1	Lê Hồng Phong	3 Tháng 2	Hoàng Dư Khương	15	Đậu một bên theo giờ
2	Cao Thắng	3 Tháng 2	Hoàng Dư Khương	11,5	Đậu xe một bên, theo giờ
3	Nguyễn Giản Thanh	Trường Sơn	Bắc Hải	12	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
4	Tuyến hẻm hai bên công viên Vườn Lài (hẻm 781 Lê Hồng Phong và hẻm 16 Trần Thiện Chánh)	hẻm 781 Lê Hồng Phong và hẻm 16 Trần Thiện Chánh	Cuối hẻm	6,5	Đề nghị cho đậu xe một bên giáp công viên Vườn Lài
5	Hẻm 51 Thành Thái	Thành Thái	Cuối hẻm	16	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
6	Tuyến hẻm xung quanh Công viên Z756 (hẻm 283 và hẻm 285 CMT8)	Đầu hẻm 283 và hẻm 285 CMT8	Cuối hẻm	10	Đề nghị cho đậu xe một bên giáp công viên Z756
QUẬN 11					
1	Đường số 2 Cư xá Lữ Gia	Đường số 52	Lý Thường Kiệt	12,5	Đậu xe bên phải

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4190/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 7751/TTr-LĐTĐ ngày 06 tháng 8 năm 2012; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 6225/TTr-KSTTHC ngày 13 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực người có công áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, BÃI BỎ ÁP DỤNG
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG/XÃ/THỊ TRẤN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2012
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính thay thế áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn:

Số TT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực: Người có công	
1	Thủ tục trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến hiện còn sống
2	Thủ tục trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến đã từ trần
3	Thủ tục trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến

II. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn:

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC
	T-HCM-100104-TT	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến.	+ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến

			<p>+ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐT BXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
--	--	--	---

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG/XÃ/THỊ TRẤN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thủ tục trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến hiện còn sống

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thanh niên xung phong chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Thanh niên xung phong nộp 01 bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì người nhận hồ sơ hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung. Nếu hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), UBND phường, xã, thị trấn tổ chức hội nghị và lập biên bản xác nhận, tổng hợp hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp, gửi UBND quận - huyện (Phòng Nội vụ);

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt) UBND quận - huyện (Phòng Nội vụ) kiểm tra, tổng hợp hồ sơ, báo cáo UBND Thành phố (Sở Nội vụ).

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xét duyệt, tổng hợp hồ sơ, trình UBND Thành phố để ban hành Quyết định trợ cấp cho TNXP.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định về giải quyết chế độ trợ cấp đối với TNXP (theo từng đợt), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn thành việc tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng trợ cấp một lần (lập theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo công văn đề nghị bổ sung dự toán chi chế độ trợ cấp một lần, gửi 02 bản về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND phường, xã, thị trấn.

- Thành phần hồ sơ:

a) Bản khai cá nhân (theo mẫu 1A);

b) Một trong các giấy tờ sau:

+ Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày 29 tháng 4 năm 1999.

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương như:

- Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý thanh niên xung phong

- Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe

- Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng thanh niên xung phong

- Giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong

- Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ.

+ Bản chính bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia thanh niên xung phong (đối với người không còn những giấy tờ nêu trên).

- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hưởng trợ cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Lệ phí:** không.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong (mẫu 1A).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người là thanh niên xung phong tập trung tham gia kháng chiến trong thời gian

từ ngày 15 tháng 7 năm 1950 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương mà:

+ Không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Đối tượng chưa được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

+ Đối tượng chưa được tính thời gian tham gia thanh niên xung phong để hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương và Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

+ Tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 đang không phải chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

+ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTĐBXH-BNV-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính

hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong

Họ và tên Năm sinh

Nguyên quán.....

Hộ khẩu thường trú.....

Chứng minh nhân dân số

cấp ngàytháng.....năm..... nơi cấp (tỉnh).....

Tham gia TNXP ngày.....tháng.....năm Đơn vị

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã..... huyện..... tỉnh.....

Trở về địa phương ngày..... tháng..... năm

Giấy tờ chứng minh là thanh niên xung phong, gồm có:

.....

.....

.....

Hiện nay đang hưởng chế độ chính sách:.....

.....

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết cho tôi được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày..... tháng năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

2. Thủ tục trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến đã từ trần

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thân nhân thanh niên xung phong chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Thân nhân thanh niên xung phong nộp 01 bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì người nhận hồ sơ hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung. Nếu hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), UBND phường, xã, thị trấn tổ chức hội nghị và lập biên bản xác nhận, tổng hợp hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp, gửi UBND quận - huyện (Phòng Nội vụ);

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt) UBND quận - huyện (Phòng Nội vụ) kiểm tra, tổng hợp hồ sơ, báo cáo UBND Thành phố (Sở Nội vụ).

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xét duyệt, tổng hợp hồ sơ, trình UBND Thành phố để ban hành Quyết định trợ cấp cho TNXP.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định về giải quyết chế độ trợ cấp đối với TNXP (theo từng đợt), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn thành việc tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng trợ cấp một lần (lập theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo công văn đề nghị bổ sung dự toán chi chế độ trợ cấp một lần, gửi 02 bản về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND phường, xã, thị trấn.

- Thành phần hồ sơ:

a) Bản khai cá nhân (theo mẫu 1B);

b) Một trong các giấy tờ sau:

+ Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày 29 tháng 4 năm 1999.

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương như:

- Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý thanh niên xung phong
- Giấy chuyển thương, chuyên viện, phiếu sức khỏe
- Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng thanh niên xung phong
- Giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong
- Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ.

+ Bản chính bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia thanh niên xung phong (đối với người không còn những giấy tờ nêu trên).

- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hưởng trợ cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- **Lệ phí:** không.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã từ trần (Mẫu số 1B).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người là thanh niên xung phong tập trung tham gia kháng chiến trong thời gian từ ngày 15 tháng 7 năm 1950 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương mà:

+ Không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Đối tượng chưa được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

+ Đối tượng chưa được tính thời gian tham gia thanh niên xung phong để hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương và Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

+ Tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 đang không phải chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo;

+ Đã từ trần.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

+ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính

hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

**Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần
đối với thanh niên xung phong đã từ trần**

Họ và tên người đứng khai..... Năm sinh

Nguyên quán.....

Hộ khẩu thường trú.....

Chứng minh nhân dân số

cấp ngàytháng.....năm..... nơi cấp (tỉnh).....

Là (ghi rõ mối quan hệ)

Đối với ông (bà)

Nguyên quán.....

Tham gia TNXP ngày.....tháng.....năm Đơn vị

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã..... huyện..... tỉnh.....

Trở về địa phương ngày..... tháng..... năm

Đã chết ngày..... tháng..... năm

Giấy tờ chứng minh là thanh niên xung phong, gồm có:

.....

.....

.....

Đã hưởng chế độ chính sách:.....

.....

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã từ trần theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày..... tháng năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

3. Thủ tục trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thanh niên xung phong chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Thanh niên xung phong nộp 01 bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì người nhận hồ sơ hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung. Nếu hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), UBND phường, xã, thị trấn tổ chức hội nghị và lập biên bản xác nhận, tổng hợp hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp, gửi UBND quận - huyện (Phòng Nội vụ);

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt) UBND quận - huyện (Phòng Nội vụ) kiểm tra, tổng hợp hồ sơ, báo cáo UBND Thành phố (Sở Nội vụ).

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xét duyệt, tổng hợp hồ sơ, trình UBND Thành phố để ban hành Quyết định trợ cấp cho TNXP.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định về giải quyết chế độ trợ cấp đối với TNXP (theo từng đợt), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng được hưởng theo quy định hiện hành.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp

- Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Bản khai cá nhân (theo mẫu 1C);

b) Một trong các giấy tờ sau:

+ Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày 29/4/1999.

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương như:

- Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý thanh niên xung phong

- Giấy chuyển thương, chuyên viện, phiếu sức khỏe
- Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng thanh niên xung phong
- Giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong
- Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ.

+ Bản chính bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia thanh niên xung phong (đối với người không còn những giấy tờ nêu trên).

c) Bản chính giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế cấp huyện trở lên.

- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hưởng trợ cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- **Lệ phí:** không.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong (Mẫu số 1C).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người là thanh niên xung phong tập trung tham gia kháng chiến trong thời gian từ ngày 15 tháng 7 năm 1950 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương mà:

+ Không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Chưa được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

+ Chưa được tính thời gian tham gia thanh niên xung phong để hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương và Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

+ Tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 đang không phải chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo.

+ Không còn khả năng lao động và sống cô đơn, không nơi nương tựa

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

+ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Mẫu số 1C

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN KHAI CÁ NHÂN****Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong**

Họ và tên Năm sinh

Nguyên quán.....

Hộ khẩu thường trú.....

Chứng minh nhân dân số

cấp ngàytháng.....năm..... nơi cấp (tỉnh).....

Tham gia TNXP ngày.....tháng.....năm Đơn vị

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã..... huyện..... tỉnh.....

Trở về địa phương ngày..... tháng..... năm

Giấy tờ chứng minh là thanh niên xung phong, gồm có:

.....

.....

.....

Hiện nay đang hưởng chế độ chính sách:.....

.....

Hoàn cảnh gia đình và bản thân hiện nay:

- Cô đơn, không chồng (vợ), con:

- Tình trạng sức khỏe.....

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết cho tôi được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với TNXP theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày..... tháng năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng